



## **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 46

# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (“Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (Engineering, Procurement and Construction, sau đây gọi tắt là “EPC”) cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (Operations and Maintenance, sau đây gọi tắt là “O&M”); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm các đơn vị :

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch	
Ông Võ Văn Bình	Thành viên	
Ông Trương Khắc Len	Thành viên độc lập	
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Quang Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc

## **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên	
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chơn Hùng

Bà Phạm Liên Hải được Ông Nguyễn Chơn Hùng ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61364104/22746288/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2021.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 8 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.655.096.342.777</b>	<b>2.705.270.497.902</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>141.964.758.796</b>	<b>302.027.563.394</b>
111	1. Tiền		68.964.758.796	161.568.601.954
112	2. Các khoản tương đương tiền		73.000.000.000	140.458.961.440
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>507.234.492.305</b>	<b>643.700.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	507.234.492.305	643.700.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.586.180.969.203</b>	<b>1.570.012.606.432</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.557.570.164.642	901.720.084.044
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	38.881.150.596	675.353.406.313
136	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8	21.798.962.067	16.818.787.124
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(32.069.308.102)	(23.879.671.049)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>362.686.008.046</b>	<b>162.896.911.682</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	362.686.008.046	162.896.911.682
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>57.030.114.427</b>	<b>26.633.416.394</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	7.446.167.478	4.427.899.963
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	49.354.303.462	22.205.516.431
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	17	229.643.487	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>774.746.506.030</b>	<b>630.746.016.928</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.109.740.000</b>	<b>3.786.517.740</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.109.740.000	3.786.517.740
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>458.337.106.525</b>	<b>350.789.195.471</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	305.709.848.943	192.525.602.681
222	Nguyên giá		426.099.083.330	300.634.956.666
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(120.389.234.387)	(108.109.353.985)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	152.627.257.582	158.263.592.790
228	Nguyên giá		202.021.905.121	202.021.905.121
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(49.394.647.539)	(43.758.312.331)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>7.628.455.729</b>	<b>70.071.223.819</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	7.628.455.729	70.071.223.819
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>298.708.550.600</b>	<b>202.392.848.862</b>
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết		280.301.700.000	184.364.250.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.406.850.600	18.406.850.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(378.251.738)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.962.653.176</b>	<b>3.706.231.036</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	8.287.370.325	3.030.948.185
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	675.282.851	675.282.851
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.429.842.848.807</b>	<b>3.336.016.514.830</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.225.329.334.563</b>	<b>2.168.751.588.374</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.031.312.371.292</b>	<b>1.706.152.857.849</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	1.521.108.075.930	989.719.035.120
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	112.991.110.754	176.491.013.841
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	25.234.544.288	48.658.749.156
314	4. Phải trả người lao động		142.270.297.548	199.852.771.368
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	43.700.002.997	108.390.505.794
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.225.025.225	1.865.025.225
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	46.118.109.402	96.845.655.577
320	8. Vay ngắn hạn	20	99.605.522.641	55.322.166.900
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	3.030.738.193	8.291.209.051
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	35.028.944.314	20.716.725.817
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>194.016.963.271</b>	<b>462.598.730.525</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		47.602.198	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	2.241.081.250	229.588.158.100
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.740.296.607	1.482.494.554
338	4. Vay dài hạn	20	17.329.235.568	17.329.235.568
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	21	171.924.387.276	213.458.481.931
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		734.360.372	740.360.372

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23.1</b>	<b>1.204.513.514.244</b>	<b>1.167.264.926.456</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.204.462.988.847</b>	<b>1.167.214.401.059</b>
411	1. Vốn cổ phần		360.149.520.000	360.149.520.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.149.520.000	360.149.520.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.922.641.050	4.922.641.050
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		12.641.457.169	12.641.457.169
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		460.889.943.139	382.230.283.648
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		365.852.739.289	407.263.844.992
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		265.794.597.004	145.064.980.022
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		100.058.142.285	262.198.864.970
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		6.688.200	6.654.200
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>50.525.397</b>	<b>50.525.397</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.525.397	50.525.397
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.429.842.848.807</b>	<b>3.336.016.514.830</b>

*Hoàng Thụy Hoài Yên*

Hoàng Thụy Hoài Yên  
Người lập

*Bùi Thị Ngọc Lý*

Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng



*Phạm Liên Hải*  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.706.418.338.293	1.027.043.396.960
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	(1.594.691.606.581)	(909.186.613.960)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.726.731.712	117.856.783.000
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	35.107.235.097	27.833.524.058
22	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(5.564.172.112) (2.827.059.221)	(9.261.572.594) (2.097.448.004)
25	6. Chi phí bán hàng	27, 29	25.272.847.932	29.695.446.918
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(58.938.408.795)	(46.145.142.809)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		107.604.233.834	119.979.038.573
31	9. Thu nhập khác	28	16.408.724.995	201.498.115
32	10. Chi phí khác		(6.152.356)	(1.935.685.784)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		16.402.572.639	(1.734.187.669)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		124.006.806.473	118.244.850.904
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(23.948.664.188)	(21.395.040.315)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.1	-	(2.418.977.232)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		100.058.142.285	94.430.833.357
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.5	2.223	1.888
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.5	2.223	1.888

Nguyễn Minh Thu  
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng

Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>124.006.806.473</b>	<b>118.244.850.904</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	17.916.215.610	13.518.206.133
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(38.983.180.198)	25.329.943.565
04	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.223.477.501)	(4.679.247.286)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(31.979.744.620)	(18.601.355.713)
06	Chi phí lãi vay	26	2.827.059.221	2.097.448.004
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>72.563.678.985</b>	<b>135.909.845.607</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(32.028.733.080)	(76.560.973.512)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(199.789.096.364)	357.844.705.444
11	Giảm các khoản phải trả		(8.368.712.051)	(190.295.872.640)
12	Tăng chi phí trả trước		(8.274.689.655)	(1.330.501.459)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.568.994.794)	(1.839.746.296)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(19.353.882.531)	(8.780.442.766)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.482.418.000)	(13.600.670.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(210.302.847.490)</b>	<b>201.346.344.378</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(49.481.730.543)	(88.241.679.918)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	855.634.207
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(240.534.492.305)	(223.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		377.000.000.000	230.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(95.937.450.000)	(82.404.000.000)
27	Tiền lãi nhận được		14.964.043.172	17.258.784.587
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>6.010.370.324</b>	<b>(145.531.261.124)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	356.957.836.959	170.146.093.622
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(312.674.481.218)	(201.687.598.809)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(11.088.400)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>44.272.267.341</b>	<b>(31.541.505.187)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(160.020.209.825)</b>	<b>24.273.578.067</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>302.027.563.394</b>	<b>188.362.289.302</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(42.594.773)	(315.642.316)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>141.964.758.796</b>	<b>212.320.225.053</b>

  
Dương Thị Ngọc Anh  
Người lập

  
Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng



  
Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (“Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (Engineering, Procurement and Construction, sau đây gọi tắt là “EPC”) cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (Operations and Maintenance, sau đây gọi tắt là “O&M”); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện, năng lượng sinh khối và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có các đơn vị:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1.080 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 983).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Chi phí sản xuất dở dang                      | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình |

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

##### *Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

*Dự phòng bảo hành*

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công việc xây lắp hoàn thành đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế giữa niên độ toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thông tin theo bộ phận (tiếp theo)**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	741.466.540	3.262.540.640
Tiền gửi ngân hàng	48.223.292.256	152.306.061.314
Tiền đang chuyển	20.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	73.000.000.000	140.458.961.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>141.964.758.796</u></b>	<b><u>302.027.563.394</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ một (1) đến ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,8% đến 3%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm.

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 33.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	995.898.990.882	188.655.597.590
Phải thu từ các bên khác	561.671.173.760	713.064.486.454
- Công ty Cổ phần Năng lượng Gio Thành	67.022.698.903	179.120.930.488
- Công ty Cổ phần Seco	61.706.352.416	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng		
- Công trình Thủy	57.550.375.850	57.550.375.850
- Liên danh nhà thầu Sinohydro-Khidi	32.640.093.637	45.213.523.038
- Khách hàng khác	342.751.652.954	431.179.657.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.557.570.164.642</b>	<b>901.720.084.044</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.069.308.102)	(23.879.671.049)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.525.500.856.540</b>	<b>877.840.412.995</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho các nhà cung cấp	38.778.659.676	675.264.906.313
- Công ty TNHH Siemens Energy	13.067.345.300	13.067.345.300
- Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	6.038.258.556	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng	-	364.782.442.801
- China Energy Engineering Group Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd	-	258.472.655.256
- Nhà cung cấp khác	19.673.055.820	38.942.462.956
Trả trước cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	102.490.920	88.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.881.150.596</b>	<b>675.353.406.313</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.798.962.067</b>	<b>16.818.787.124</b>
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	6.166.179.092	33.025.022
Lãi tiền gửi	5.944.146.042	2.802.687.304
Phải thu người lao động	3.111.172.711	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.021.136.776	1.387.555.852
Phải thu liên quan dự án	2.123.347.730	3.513.978.074
Ký quỹ, ký cược	824.750.000	828.381.646
Khác	608.229.716	8.253.159.226
<b>Dài hạn</b>	<b>1.109.740.000</b>	<b>3.786.517.740</b>
Ký quỹ, ký cược	1.109.740.000	3.786.517.740
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.908.702.067</b>	<b>20.605.304.864</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	308.772.024.989	132.723.662.590
- Công trình Nhà máy Điện gió Tân Thuận	186.683.488.160	21.775.227.282
- Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong	53.712.891.767	1.798.113.808
- Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	1.228.732.859	200.148.522
- Các công trình khác	67.146.912.203	108.950.172.978
Nguyên vật liệu	51.780.459.372	28.382.509.830
Công cụ, dụng cụ	629.702.816	503.902.142
Hàng hóa	1.503.820.869	1.286.837.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>362.686.008.046</b>	<b>162.896.911.682</b>

## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	106.518.735.187	144.247.197.242	40.127.632.637	9.736.438.067	4.953.533	300.634.956.666
Mua mới trong kỳ	-	2.613.099.636	3.019.582.727	1.705.219.909	-	7.337.902.272
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành ( <i>Thuyết minh số 12</i> )	89.625.607.446	-	667.789.151	27.832.827.795	-	118.126.224.392
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	196.144.342.633	146.860.296.878	43.815.004.515	39.274.485.771	4.953.533	426.099.083.330
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	15.061.867.769	24.287.998.686	23.714.246.578	7.120.844.194	-	70.184.957.227
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	23.780.346.479	46.617.787.432	29.806.114.316	7.905.105.758	-	108.109.353.985
Khấu hao trong kỳ	(3.058.332.089)	(6.444.935.995)	(1.323.531.510)	(1.453.080.808)	-	(12.279.880.402)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(26.838.678.568)	(53.062.723.427)	(31.129.645.826)	(9.358.186.566)	-	(120.389.234.387)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	82.738.388.708	97.629.409.810	10.321.518.321	1.831.332.309	4.953.533	192.525.602.681
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	169.305.664.065	93.797.573.451	12.685.358.689	29.916.299.205	4.953.533	305.709.848.943

Như trình bày ở *Thuyết minh số 20*, Công ty đã dùng dây truyền cắt thép với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 5.176.797.463 VND để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
và ngày 30 tháng 6 năm 2021	157.743.240.242	44.278.664.879	202.021.905.121
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	19.774.310.998	19.774.310.998
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	12.008.504.437	31.749.807.894	43.758.312.331
Hao mòn trong kỳ	(1.544.429.316)	(4.091.905.892)	(5.636.335.208)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(13.552.933.753)	(35.841.713.786)	(49.394.647.539)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	145.734.735.805	12.528.856.985	158.263.592.790
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	144.190.306.489	8.436.951.093	152.627.257.582

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower - Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Hệ thống Tích trữ Năng lượng Mái nhà BESS tại Trung tâm thiết kế PECC2	3.084.818.080	-
Trung tâm thiết kế PECC2 - Thành phố Thủ Đức	-	65.250.509.196
Các công trình khác	3.636.364	280.713.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.628.455.729</b>	<b>70.071.223.819</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG** (tiếp theo)

(\*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang thay đổi trong kỳ như sau:

	VND
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	70.071.223.819
Tăng trong kỳ	58.356.550.518
Hoàn thành tài sản cố định hữu hình ( <i>Thuyết minh số 10</i> )	(118.126.224.392)
Giảm khác	<u>(2.673.094.216)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>7.628.455.729</u>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 13.1</i> )	280.301.700.000	184.364.250.000
Đầu tư vào các đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 13.2</i> )	<u>18.406.850.600</u>	<u>18.406.850.600</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.708.550.600</b>	<b>202.771.100.600</b>
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn ( <i>Thuyết minh số 13.2</i> )	-	(378.251.738)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>298.708.550.600</u></b>	<b><u>202.392.848.862</u></b>

## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
			(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	HG1-23 Khu phố Thương mại và Trung tâm thương mại, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	25	25
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Thôn 1, Xã Sơn Mỹ, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận		25	25
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Tổ dân phố số 1, Thị Trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái		45	45
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>280.301.700.000</b>	<b>184.364.250.000</b>

#### 13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND
		Tỷ lệ sở hữu %		Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.750.000.000	40.753.294.820	-	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.656.850.600	2.143.976.840	0.45	(378.251.738)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.406.850.600</b>	<b>42.897.271.660</b>	<b>-</b>	<b>(378.251.738)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.446.167.478</b>	<b>4.427.899.963</b>
Công cụ, dụng cụ	2.356.335.702	1.444.124.952
Chi phí bảo hiểm	1.787.085.513	864.788.799
Chi phí hạ tầng khu công nghiệp	1.311.071.324	-
Chi phí cải tạo văn phòng	608.689.417	-
Khác	1.382.985.522	2.118.986.212
<b>Dài hạn</b>	<b>8.287.370.325</b>	<b>3.030.948.185</b>
Công cụ, dụng cụ	5.151.758.656	1.186.089.860
Khác	3.135.611.669	1.844.858.325
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.733.537.803</b>	<b>7.458.848.148</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả cho các bên khác	1.519.992.734.770	986.037.811.785
- <i>China Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd</i>	966.336.856.222	-
- <i>Zhejiang Jinko Solar Co., Ltd</i>	203.135.900.594	203.667.951.084
- <i>SunPower Systems International Limited</i>	-	226.054.652.592
- <i>Nhà cung cấp khác</i>	350.519.977.954	556.315.208.109
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.115.341.160	3.681.223.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.521.108.075.930</b>	<b>989.719.035.120</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>112.991.110.754</b>	<b>176.491.013.841</b>
Người mua trả tiền trước	104.844.203.713	168.634.106.800
- <i>Doosan Heavy Industries &amp; Construction Co., Ltd</i>	24.316.141.165	24.701.275.069
- <i>Công ty TNHH KC Cottrell Việt Nam</i>	20.918.160.000	20.918.160.000
- <i>Công ty TNHH Janakuasa Việt Nam</i>	5.527.093.490	53.393.803.848
- <i>Khách hàng khác</i>	54.082.809.058	69.620.867.883
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	8.146.907.041	7.856.907.041
<b>Dài hạn</b>	<b>2.241.081.250</b>	<b>229.588.158.100</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mô	2.241.081.250	2.241.081.250
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	-	227.347.076.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>115.232.192.004</b>	<b>406.079.171.941</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.353.882.531	23.948.664.188	(19.353.882.531)	23.948.664.188
Thuế thu nhập cá nhân	24.005.639.441	37.588.730.734	(61.034.977.292)	559.392.883
Thuế giá trị gia tăng	5.068.934.864	95.133.661.168	(99.476.108.815)	726.487.217
Thuế khác	230.292.320	1.876.030.236	(2.106.322.556)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.658.749.156</b>	<b>158.547.086.326</b>	<b>(181.971.291.194)</b>	<b>25.234.544.288</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	22.205.516.431	27.378.430.518	-	49.583.946.949

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.700.002.997</b>	<b>108.390.505.794</b>
Trích trước chi phí dự án	42.944.859.766	105.433.430.601
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	20.839.187.983	21.136.319.973
- Dự án Nhà máy Điện gió Chính Thắng	9.192.711.949	33.339.969.278
- Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 1 và 2	1.908.890.233	-
- Các dự án khác	11.004.069.601	50.957.141.350
Chi phí khác	755.143.231	2.957.075.193
<b>Dài hạn</b>	<b>1.740.296.607</b>	<b>1.482.494.554</b>
Chi phí lãi vay	1.740.296.607	1.482.494.554
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.440.299.604</b>	<b>109.873.000.348</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ tức phải trả	36.454.626.000	451.346.000
Phải trả bảo hiểm	2.443.937.589	259.938.432
Phải trả liên quan dự án	1.201.500.142	1.201.500.142
Cán bộ công nhân viên đóng góp đầu tư	-	91.920.000.000
Khác	6.018.045.671	3.012.871.003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.118.109.402</b>	<b>96.845.655.577</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
<b>VND</b>				
<b>Ngắn hạn:</b>				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	54.409.204.892	356.957.836.959	(311.761.519.210)	99.605.522.641
Vay nhân viên	912.962.008	-	(912.962.008)	-
<b>Dài hạn:</b>				
Vay nhân viên (Thuyết minh số 20.2)	17.329.235.568	-	-	17.329.235.568
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.651.402.468</b>	<b>356.957.836.959</b>	<b>(312.674.481.218)</b>	<b>116.934.758.209</b>

**20.1 Vay ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức
	6 năm 2021	trả nợ gốc	(%/năm)	đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	42.888.149.746	Từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	4,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	56.717.372.895	Từ ngày 20 tháng 7 đến ngày 3 tháng 12 năm 2021	4,4 - 4,7	- Dây chuyền cắt thép (Thuyết minh số 10); và - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (Thuyết minh số 5)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.605.522.641</b>			

**20.2 Vay nhân viên**

Đây là các khoản vay tín chấp người lao động, chịu lãi suất 3%/năm và thời hạn hoàn trả là năm (5) năm từ ngày giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự phòng bảo hành các dự án		
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	103.668.841.188	114.067.424.367
- Dự án Điện Mặt trời Áp Mái	25.267.839.868	23.203.842.343
- Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 2	14.072.407.689	33.037.906.714
- Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 1	13.665.041.254	31.555.683.110
- Dự án Nhà máy điện gió Tân Thuận	12.102.089.564	61.875.266
- Khác	6.178.905.906	19.822.959.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>174.955.125.469</u></b>	<b><u>221.749.690.982</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- Ngắn hạn	3.030.738.193	8.291.209.051
- Dài hạn	171.924.387.276	213.458.481.931

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	221.749.690.982	161.276.564.313
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong kỳ	18.178.955.540	37.114.535.781
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(34.481.365.064)	(58.275.479.556)
<i>Trừ:</i> Sử dụng trong kỳ	(30.492.155.989)	(6.482.040.797)
Số cuối kỳ	<u>174.955.125.469</u>	<u>133.633.579.741</u>

**22. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	20.716.725.817	13.480.159.468
Trích quỹ ( <i>Thuyết minh số 23.1</i> )	26.794.636.497	26.069.784.034
Sử dụng quỹ	(12.482.418.000)	(13.600.670.000)
Số cuối kỳ	<u>35.028.944.314</u>	<u>25.949.273.502</u>

## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	240.101.180.000	4.922.641.050	12.641.457.169	254.772.613.478	418.640.774.226	6.246.200	931.084.912.123
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	94.430.833.357	-	94.430.833.357
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	127.457.670.170	(127.457.670.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(26.069.784.034)	-	(26.069.784.034)
Tăng khác	-	-	-	-	-	170.000	170.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	240.101.180.000	4.922.641.050	12.641.457.169	382.230.283.648	359.544.153.379	6.416.200	999.446.131.446
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	360.149.520.000	4.922.641.050	12.641.457.169	382.230.283.648	407.263.844.992	6.654.200	1.167.214.401.059
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	100.058.142.285	-	100.058.142.285
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	78.659.659.491	(78.659.659.491)	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(36.014.952.000)	-	(36.014.952.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(26.794.636.497)	-	(26.794.636.497)
Tăng khác	-	-	-	-	-	34.000	34.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	360.149.520.000	4.922.641.050	12.641.457.169	460.889.943.139	365.852.739.289	6.688.200	1.204.462.988.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			VND
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	%	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	%	
	Tập đoàn Điện Lực Việt Nam Tổ chức America LLC Các cổ đồng khác	18.484.831 100 17.530.021	184.848.310.000 1.000.000 175.300.210.000	51.33 - 48.67	18.484.831 3.816.850 13.713.271	184.848.310.000 38.168.500.000 137.132.710.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.014.952</b>	<b>360.149.520.000</b>	<b>100</b>	<b>36.014.952</b>	<b>360.149.520.000</b>	<b>100</b>	

**23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	360.149.520.000	240.101.180.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>360.149.520.000</u>	<u>240.101.180.000</u>
Cổ tức công bố (*)	36.014.952.000	-
Cổ tức đã trả	11.088.400	-

(\*) Công ty đã công bố cổ tức phải trả cho năm 2020 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

**23.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	36.014.952
<b>Cổ phiếu bán ra công chúng</b> Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	36.014.952
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	36.014.952

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lỗ cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	100.058.142.285	94.430.833.357
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(9.443.083.336)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	<u>100.058.142.285</u>	<u>84.987.750.021</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu) (**)	45.018.690	45.018.690
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.223	1.888
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.223	1.888

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(\*\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ này để phản ánh việc cổ phiếu được phát hành để chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ là 50% thực hiện trong năm tháng 8 năm 2020 và cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 25% thực hiện trong tháng 7 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.649.609.694.085	958.441.855.992
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	44.711.650.601	56.261.031.905
Doanh thu bán điện	11.705.486.541	12.272.249.110
Doanh thu khác	391.507.066	68.259.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.706.418.338.293</u></b>	<b><u>1.027.043.396.960</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan     (Thuyết minh số 31)</i>	1.242.859.604.692	775.289.964.362
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	463.558.733.601	251.753.432.598

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thu nhập tiền lãi	27.609.232.120	19.607.701.028
Thu nhập cổ tức	4.370.512.500	912.540.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.127.490.477	7.313.283.030
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.107.235.097</u></b>	<b><u>27.833.524.058</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.539.773.223.882	850.020.565.937
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	43.321.077.534	47.998.220.834
Giá vốn bán điện	11.217.883.891	11.167.827.189
Giá vốn khác	379.421.274	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.594.691.606.581</u></b>	<b><u>909.186.613.960</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí lãi vay	2.827.059.221	2.097.448.004
Chi phí thanh toán tín dụng chứng từ trả chậm	2.648.370.664	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.658.591	7.331.964.508
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(378.251.738)	(167.839.918)
Khác	456.335.374	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.564.172.112</b>	<b>9.261.572.594</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>(25.272.847.932)</b>	<b>(29.695.446.918)</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(25.272.847.932)	(29.695.446.918)
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>58.938.408.795</b>	<b>46.145.142.809</b>
Chi phí nhân công	15.764.711.222	8.948.860.313
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	8.189.637.053	3.515.752.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.670.929.974	12.713.299.671
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	5.948.424.842	3.459.639.039
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.373.807.393	3.591.462.199
Thuế, phí và lệ phí	3.160.686.832	3.482.118.079
Chi phí khác	12.830.211.479	10.434.011.396
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.665.560.863</b>	<b>16.449.695.891</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	10.328.070.366	-
Thưởng hoàn thành sớm dịch vụ	6.079.110.718	-
Khác	1.543.911	201.498.115
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.408.724.995</b>	<b>201.498.115</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.514.313.341.812	227.667.939.708
Chi phí nhân công	172.386.360.611	268.440.231.363
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.967.550.999	46.445.208.656
Chi phí khấu hao và hao mòn	17.465.157.333	13.518.206.133
Chi phí khác	32.646.349.758	20.060.506.738
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.803.778.760.513</u></b>	<b><u>576.132.092.598</u></b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.948.664.188	21.395.040.315
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	2.418.977.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.948.664.188</u></b>	<b><u>23.814.017.547</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>124.006.806.473</b>	<b>118.244.850.904</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	24.801.361.295	23.648.970.181
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(874.102.500)	-
Chi phí không được trừ	21.405.393	165.047.366
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>23.948.664.188</b>	<b>23.814.017.547</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**30.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí phải trả	380.206.400	380.206.400	-	1.479.948.767
Dự phòng bảo hành công trình	295.076.451	295.076.451	-	939.028.465
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>675.282.851</b>	<b>675.282.851</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ</b>			<b>-</b>	<b>2.418.977.232</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("tập đoàn") trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.205.208.186.343	-
		Góp vốn	84.687.450.000	82.404.000.000
		Thu nhập tiền lãi (theo điều kiện hợp đồng)	4.407.018.495	-
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") các Công trình điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	13.635.115.620	5.992.532.427
Công ty Mua bán điện	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	11.726.711.455	12.272.249.110
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty cùng tập đoàn	Góp vốn	11.250.000.000	5.400.000.000
		Cung cấp dịch vụ	6.914.189.292	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	4.370.512.500	912.540.000
		Cung cấp dịch vụ	2.878.830.768	3.074.909.565
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.435.132.168	-
Điện lực Long Khánh - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.412.015.818	-
Công ty Truyền tải Điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.327.200.000	400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.152.064.314	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	1.175.517.652	43.401.242
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	634.756.331	10.891.763.468
Ban QLDA Điện 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	616.500.000	-
Nhà máy Nhiệt Điện Vĩnh tân 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	433.323.995	-
Nhà máy Nhiệt điện Trị An	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	299.510.400	-
Công ty Truyền tải điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	292.834.806	-
Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	254.075.300	2.684.536.000
Ban QLDA Thủy điện 6	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	236.144.299	-
Công ty Điện lực Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	121.100.582	33.788.334
Ban QLDA Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	108.904.545	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	60.564.476	305.390.516
Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	44.000.000	-
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	35.745.508	195.749.206
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	33.055.748	4.520.252.717
Công ty Điện Lực Bình Thuận – Điện lực Thủy Phong	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	29.607.800	70.664.661
Nhà khách bộ năng lượng	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	28.559.090	15.763.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Truyền tải Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	(128.447.585)	3.162.553.360
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	723.181.279.462
Công ty Thủy điện IALY - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	8.334.641.235
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.335.006.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận Đa Mi	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	894.232.720
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	756.575.326
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	558.930.069
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh tân	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	374.515.295
Công ty Truyền tải Điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	140.727.273
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	137.341.818
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	49.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Kuốp	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	19.029.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	901.256.837.754	-
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh tân	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	52.293.674.244	70.527.592.803
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	5.431.023.684	20.338.096.437
Ban QLDA Điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	5.053.453.628	11.001.666.856
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.585.504.779	2.006.859.394
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.419.247.416	11.392.203.200
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.984.116.126	13.087.144.152
Ban QLDA Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.685.645.000	23.978.058.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.605.608.221	-
Công ty Mua bán Điện	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.158.160.893	1.844.547.265
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.151.344.617	8.054.520.525
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.647.972.253	2.421.939.378
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.583.356.922	2.180.573.960
Công ty Truyền tải điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.532.251.256	1.532.251.256
Công ty Truyền tải điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.184.867.972	2.451.029.666
Công ty Thủy điện Trị An	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.041.320.860	3.217.006.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)</i></b>				
Ban QLDA Truyền tải điện	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	644.476.740	684.375.695
Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	621.920.189	1.149.916.560
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	501.518.581	501.518.581
Tổng công ty Phát điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	448.193.220	448.193.220
Công ty Thủy điện laly	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	424.160.000	4.029.950.375
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	400.661.131	400.661.131
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	384.268.500	384.268.500
Ban QLDA Điện 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	322.253.032	-
Ban QLDA Thủy điện 6	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	317.460.939	57.702.210
Ban QLDA Lưới điện Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	314.276.386	469.991.832
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	226.153.584	226.153.584
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	178.370.587	178.370.587
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	171.383.439	171.383.439
Điện lực Long Khánh	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	151.550.308	59.538.600
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	69.824.052	69.824.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)</b>				
Công ty Lưới điện cao thế TP. HCM	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	68.527.195	68.527.195
Công ty Điện lực An Giang	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	24.205.500	24.205.500
Công ty Điện lực Kiên Giang	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	14.036.017	916.036.017
Công ty Điện lực Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.365.857	1.365.857
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.994.025.000
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.987.053.541
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	449.349.940
Công ty Thủy điện Huội Quảng – Bản Chát	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	349.696.700
			<b>995.898.990.882</b>	<b>188.655.597.590</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thí nghiệm điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	88.500.000	88.500.000
Công ty Điện lực Bình Thuận	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	13.990.920	-
			<b>102.490.920</b>	<b>88.500.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh tân 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	476.656.395	-
Công ty TNHH Thí nghiệm điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	279.482.830	2.732.677.250
Công ty Truyền tải Điện 2	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	161.059.143	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</i></b>				
Công ty viễn thông và Công nghệ Thông tin	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	129.194.475	171.994.176
Công ty TNHH Thí nghiệm điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	48.400.000	-
Công ty Điện Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	20.548.317	-
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	527.162.364
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	237.454.545
Nhà khách Bộ năng lượng	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	11.935.000
			<b>1.115.341.160</b>	<b>3.681.223.335</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>				
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	7.212.079.015	7.212.079.015
Ban QLDA Phát triển Điện Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	480.266.104	480.266.104
Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Kuốp	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	290.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	161.572.159	161.572.159
Điện lực Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	2.989.763	2.989.763
			<b>8.146.907.041</b>	<b>7.856.907.041</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước dài hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	227.347.076.850



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập của Ban Giám Đốc	1.512.399.286	1.376.990.647
Thu nhập và thù lao Ban kiểm soát	189.909.773	199.419.163
Thù lao Hội Đồng quản trị	90.000.000	90.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.792.309.059</b>	<b>1.666.409.810</b>

**32. SỰ KIỆN SAU QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Hoàng Thụy Hoài Yến  
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021